

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2017/DS-PT
Ngày: 08-9-2017
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội
Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Tấn
Ông Ngô Tấn Lợi

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Mỹ Châu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thanh Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 116/2017/TLPT- DS ngày 26 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2017/DS-ST ngày 14/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2017/QĐPT-DS ngày 08 tháng 8 năm 2017 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ban Hội hương Miếu B, xã Mỹ Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn M1, sinh năm: 1948

Chức vụ: Trưởng Ban.

Cư trú tại: Tổ 2, ấp 1, xã Mỹ Đ, huyện T, Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Võ Thị B - Văn Phòng Luật sư B, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ.

2. *Bị đơn*: Phan Văn V, sinh năm: 1964

3. *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Trương Thị Tuyết M2, sinh năm: 1969

3.2. Phan Tấn K1, sinh năm: 1991

3.3. Phan Tấn K2, sinh năm: 1993

3.4. Phan Tấn Đ, sinh năm: 1995

3.5. Phan Văn S1, sinh năm: 1976

3.6. Phan Thị Kim S2, sinh năm: 1978

Cùng cư trú tại: Tổ 2, ấp 1, xã Mỹ Đ, huyện T, Đồng Tháp.

3.7. Phan Văn H, sinh năm: 1951

Cư trú tại: Ấp C, xã Vĩnh Đ, huyện T, tỉnh L.

3.8. Phan Thị Ngọc A, sinh năm: 1956

Cư trú tại: Ấp Mỹ P, xã M, huyện T, Đồng Tháp.

3.9. Phan Thị T1, sinh năm: 1961

Cư trú tại: Khóm 4, thị trấn M, huyện T, Đồng Tháp.

3.10. Phan Thị Mỹ H, sinh năm: 1967

Cư trú tại: Ấp 5, xã Mỹ Đ, huyện T, Đồng Tháp.

3.11. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Minh D; Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện T.

Cư trú tại: Khóm 3, Thị trấn M, huyện T, Đồng Tháp.

3.12. Ngân hàng Thương Mại cổ Phần X - Chi nhánh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh T2, sinh năm 1981.

Cư trú tại: phường 2, TP. C, Đồng Tháp.

(Bà M2, anh K1, anh K2, anh Đ, ông H, anh S1, chị S2, Ngân hàng TMCP X - Chi nhánh Đồng Tháp, Ủy ban nhân dân huyện T có đơn xin vắng mặt).

Người kháng cáo: Ông Trần Văn M1 đại diện Ban Hội hương Miếu B, xã Mỹ Đ là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày:

Ông Trần Văn M1 đại diện Ban Hội hương Miếu B, xã Mỹ Đ trình bày: Nguyên trước đây bà Lý Thị Y có chiếm đất của Miếu B và xảy ra tranh chấp, Ban Hội hương Miếu B có đến gặp bà Y thương lượng yêu cầu bà Y trả lại đất nhưng bà Y không đồng ý trả, đến ngày 19/3/2007, Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đ có ban hành Quyết định hòa giải thành số 32/QĐ-UBND, theo Quyết định hòa giải bà Lý Thị Y phải trả hoa lợi đất cho Miếu B theo quy định của pháp luật đối với diện tích 1.800m², đất tọa lạc ấp 1, xã Mỹ Đ, huyện T thuộc thửa 763, hiện thửa đất này bà Y đã giao cho con trai là Phan Văn V đứng tên quyền sử dụng đất. Nay ông M1 đại diện Ban Hội hương Miếu B, xã Mỹ Đ yêu cầu hộ Phan Văn V, Trương Thị Tuyết M2, Phan Tấn K1, Phan Tấn Đ, Phan Tấn K2 phải trả cho Ban Hội hương Miếu B, xã Mỹ Đ diện tích 1.674,5m² thuộc thửa 762, 763 tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp 1, xã Mỹ Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp và huỷ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BU 350206, số vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH 01665 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BU 358204, số vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH 01666 được UBND huyện T cấp ngày 15/8/2014 do Phan Văn V đứng tên.

- Bị đơn ông Phan Văn V trình bày:

Vào năm 1954 cha ông là Phan Văn H1 cùng mẹ ông là bà Lý Thị Y đã khai khẩn diện tích đất mà ông M1 khởi kiện, nguồn gốc đất là của ông Q1 đoc giao cho ông Nguyễn Văn Q2 quản lý, ông Q2 có nói bà con nào nộp thuế mới được làm chủ sở hữu nên cha mẹ ông chấp nhận nộp thuế và được sử dụng phần đất trên, sau đó cha mẹ ông được chính quyền địa phương cấp giấy chủ quyền người cày có ruộng, gia đình ông sử dụng đến sau giải phóng làm lúa 1 vụ, sau đó làm 2 vụ và canh tác cho đến nay, năm 1994 mẹ ông là bà Lý Thị Y được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình ông sử dụng canh tác lúa ổn định, sau này bà Y giao lại cho ông sử dụng và ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào tháng 8/2014, phần đất này không phải là đất của Miếu B mà là đất của địa chủ. Nay ông không đồng ý theo yêu cầu của ông M1 trả lại cho Miếu B diện tích 1.674,5m² tại thửa 762, 763, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc ấp 1, xã Mỹ Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng TMCP X - chi nhánh Đồng Tháp trình bày: Ông Phan Văn V là khách hàng đang có quan hệ tín dụng với Ngân hàng. Việc vay vốn có thể chấp tài sản là quyền sử dụng đất, thông tin cụ thể về khoản vay và tài sản thế chấp như sau: Hợp đồng tín dụng số 368/2014/HĐHM/NH - TN/PGB, ngày 25/11/2014 số tiền vay là 200.000.000đ, thời hạn vay theo hợp đồng là 36 tháng, lãi suất vay ban đầu là 11,5%/năm, dư nợ đến thời điểm hiện tại là 200.000.000đ. Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất số 368/2014/HĐHM/NH - TN/PGB, ngày 25/11/2014, do Văn phòng công chứng huyện T, tỉnh Đồng Tháp chứng nhận ngày 26/11/2014 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật. Tài sản bảo đảm bao gồm quyền sử dụng đất tại xã Mỹ Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Các vị trí thửa đất thế chấp bao gồm thửa 1118, 1120, 763 và 1004 tờ bản đồ số 02. Như vậy các tài

sản nêu trên đang được thế chấp theo đúng quy định của pháp luật, để bảo đảm cho khoản nợ mà ông Phan Văn V đang vay tại Ngân hàng.

Đối với những người thừa kế của bà Y và các thành viên trong hộ ông V, Ủy ban nhân dân huyện T có đơn xin vắng mặt không có ý kiến.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2017/DS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn M1 đại diện Ban Hội hương Miếu B, xã Mỹ Đ yêu cầu hộ Phan Văn V, Trương Thị Tuyết M2, Phan Tấn K1, Phan Tấn Đ, Phan Tấn K2 phải trả cho Ban Hội hương Miếu B, xã Mỹ Đ diện tích 1.674,5m² thuộc thửa 762, 763 tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp 1, xã Mỹ Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp và huỷ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BU 350206, số vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH 01665 và giấy số bìa BU 358204, số vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH 01666 được UBND huyện T cấp ngày 15/8/2014 do Phan Văn V đứng tên.

Ông Phan Văn V được tiếp tục sử dụng diện tích 1.674,5m² thuộc thửa 762, 763 tờ bản đồ số 02, tọa lạc xã Mỹ Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chi phí thẩm định Ban Hội hương Miếu B, xã Mỹ Đ phải chịu 2.457.000đ và đã nộp xong.

2. Về án phí: Ban Hội hương Miếu B, xã Mỹ Đ phải nộp 5.298.750đ được khấu vào số tiền 2.775.000đ tạm ứng án phí theo biên thu số BM/2012: 031924, quyền số: 000639 ngày 09/02/2015 và biên lai thu số BN/2013: 09980, quyền số: 200 ngày 13/3/2017; Ban Hội hương Miếu B, xã Mỹ Đ phải nộp thêm 2.523.750đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

- Ngày 27/6/2017 ông Trần Văn M1 đại diện Ban Hội hương Miếu B, xã Mỹ Đ có đơn kháng cáo không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm xử, ông yêu cầu ông V phải trả cho Ban Hội hương Miếu B, xã Mỹ Đ diện tích 1.674,5m² thuộc thửa 762, 763 tờ bản đồ số 02 và không đồng ý nộp tiền án phí 5.298.750đ.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông M1 đại diện Ban Hội hương Miếu B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, ông yêu cầu ông V phải trả cho Ban Hội hương Miếu B, xã Mỹ Đ diện tích 1.674,5m² thuộc thửa 762, 763 tờ bản đồ số 02 và không đồng ý nộp tiền án phí 5.298.750đ.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ban Hội hương Miếu B đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ban Hội hương Miếu B buộc hộ ông Phan Văn V, Trương Thị Tuyết M2, Phan Tấn K1, Phan Tấn Đ, Phan Tấn K2 phải trả cho Ban Hội hương Miếu B, xã Mỹ Đ diện tích 1.674,5m² thuộc thửa 762, 763 tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp 1, xã Mỹ Đ, huyện T, tỉnh Đồng

Tháp và huỷ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BU 350206, số vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH 01665 và giấy số bìa BU 358204, số vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH 01666 được UBND huyện T cấp ngày 15/8/2014 do Phan Văn V đứng tên vì lời trình bày của ông V là chưa phù hợp, khi ông M1 đại diện Ban Hội hương Miếu B khởi kiện yêu cầu ông L trả đất và bà Y cũng đồng ý trả thành quả lao động, nên bà Y phải thực hiện nghĩa vụ nhưng bà Y không thực hiện, sau đó bà Y lại sang tên cho con là ông Phan Văn V là bà Y có hành vi gian dối, ngoài ra theo Quyết định hòa giải của Ủy ban xã Mỹ Đ bà Y phải trả thành quả lao động đến nay không trả thì phải có nghĩa vụ trả lại đất.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông M1 đại diện Ban Hội hương Miếu B và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu của ông M1 đại diện Ban Hội hương Miếu B, xã Mỹ Đ yêu cầu hộ Phan Văn V, Trương Thị Tuyết M2, Phan Tấn K1, Phan Tấn Đ, Phan Tấn K2 phải trả cho Ban Hội hương Miếu B diện tích 1.674,5m² thuộc thửa 762, 763 tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp 1, xã Mỹ Đ, huyện T và huỷ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BU 350206, số vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH 01665 và giấy số bìa BU 358204, số vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH 01666 được UBND huyện T cấp ngày 15/8/2014 do Phan Văn V đứng tên là không có cơ sở. Bởi vì, xét về nguồn đất đang tranh chấp là của điền chủ B để lại cho ông Đ dùng xây dựng Miếu B, nhưng Ban hội hương đã nhiều năm không sử dụng đất, không kê khai, không làm nghĩa vụ đóng thuế đối với Nhà nước, nên ông H, bà Y, ông V trực tiếp vào khai mở canh tác lúa liên tục ổn định từ năm 1954 cho đến nay, năm 1978 địa phương thành lập tập đoàn sản xuất nông nghiệp gia đình bà Y vẫn canh tác phần đất tranh chấp để làm lúa 1 vụ, sau đó làm lúa 2 vụ và sử dụng đất tính đến nay đã trên 30 năm, bà Y đã đi kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất, làm nghĩa vụ đóng thuế đầy đủ đối với Nhà nước và bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1994, việc bà Y đi kê khai đăng ký và được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ban hội hương Miếu B cũng không có ngăn cản hay tranh chấp. Đến năm 2007 Ban hội hương Miếu B mới yêu cầu UBND xã Mỹ Đ giải quyết yêu

cầu bà Y trả thành quả lao động trên diện tích 1.800m², Tại thời điểm UB xã hòa giải bà Y đã được công nhận quyền sử dụng đất. Đến tháng 8 năm 2014 bà Y làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất lại cho con là ông Phan Văn V. Ngày 15/8/2014 ông V đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến nay, riêng phần đất của Ban hội hương Miếu B được cấp quyền sử dụng đất vào ngày 16/12/2014, khi đo đạc khảo sát để cấp giấy cho chứng nhận cho Ban hội hương Miếu B thì chính ông M1 là người chỉ ranh và hộ ông Phan Văn V có ký giáp ranh, không có tranh chấp.

[2] Ông M1 cho rằng vào năm 2007 ông đại diện Ban Hội hương Miếu B tranh chấp với bà Y và ông L đã được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đ giải quyết bà Y đồng ý trả thành quả lao động, nhưng đến nay bà Y không trả mà giao đất lại cho con là ông V, nên ông đại diện Ban Hội hương Miếu B yêu cầu ông V trả lại đất là không phù hợp vì tại biên bản hoà giải ngày 08/3/2007 của Ủy ban xã Mỹ Đ thì các bên cũng thống nhất công nhận hộ bà Y được sử dụng đất ổn định. Đồng thời, Ban Hội hương cũng mặc nhận đất gia đình bà Y sử dụng là hợp pháp không tranh chấp, sau khi Ban Hội hương tranh chấp đất với ông Ngô Văn L thì có Quyết định ông L trả lại đất cho Miếu B, thì ông M1 là người đại diện đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng đã xác định ranh giáp với đất ông Phan Văn V. Do đó, về mặt ý chí ông M1 đại diện Ban Hội hương Miếu B thừa nhận diện tích đất tại thửa 762, 763 là của ông Phan Văn V.

Lẽ ra, bà Y không trả thành quả lao động theo biên bản giải quyết của Ủy ban xã Mỹ Đ vào năm 2007 thì Ban Hội hương Miếu B phải tranh chấp và ngăn cản việc bà Y làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất lại cho con là ông Phan Văn V, nhưng Ban Hội hương không tranh chấp, đến năm 2015 Ban Hội hương tiếp tục yêu cầu bà Y trả thành quả lao động cho Miếu B chứ không yêu cầu trả đất và sau đó mới thay đổi yêu cầu hộ bà Y trả lại đất. Tại phiên tòa ông M1 đại diện cho Ban Hội hương Miếu B cũng thừa nhận nguồn gốc đất tranh chấp của Địa chủ giao lại cho Miếu B nhưng không biết cụ thể diện tích ngang, dài bao nhiêu và Miếu cũng không quản lý sử dụng. Việc hộ bà Y, ông V quản lý canh tác sử dụng phần đất trên từ năm 1978 khi thành lập tập đoàn sản xuất nông nghiệp gia đình bà Y vẫn tiếp tục canh tác phần đất tranh chấp để làm lúa 1 vụ, sau đó làm lúa 2 vụ và ông M1 cũng không chứng minh được diện tích 1.674,5m² tại thửa 762, 763 đã được Nhà nước giao cho Miếu B.

[3] Theo Công văn số 356/UBND-NC ngày 07/9/2015 của Ủy ban nhân dân huyện T trả lời việc cấp giấy cho ông Phan Văn V là theo trình tự thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất và khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Miếu B xã Mỹ Đ có đo đạc thực tế, hộ ông Phan Văn V có ký giáp ranh, hai bên cũng không có tranh chấp.

Xét thấy, hộ bà Y và ông Phan Văn V đã sử dụng đất từ trước ngày 15/10/1993 đã ổn định nên tiếp tục giao cho ông V sử dụng đất là phù hợp theo điểm c khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai.

Xét án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu của ông M1 đại diện Ban Hội hương Miếu B, xã Mỹ Đ yêu cầu hộ Phan Văn V, Trương Thị Tuyết M2, Phan Tấn K1, Phan Tấn Đ, Phan Tấn K2 phải trả cho Ban Hội hương Miếu B, xã Mỹ Đ diện tích 1.674,5m² thuộc thửa 762, 763 tờ bản đồ số 02, toạ lạc ấp 1, xã Mỹ Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp và huỷ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BU 350206, số vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH 01665 và giấy số bìa BU 358204, số vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH 01666 được UBND huyện T cấp ngày 15/8/2014 do Phan Văn V đứng tên là hoàn toàn có căn cứ.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông M1 đại diện Ban Hội hương Miếu B không đồng ý nộp tiền án phí là không có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu đòi lại đất của Ban Hội hương Miếu B, xã Mỹ Đ nên buộc Ban Hội hương Miếu B nộp tiền án phí sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông M1 đại diện Ban Hội hương Miếu B, xã Mỹ Đ mà giữ nguyên bản án sơ thẩm. Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên ông M1 đại diện Ban Hội hương Miếu B phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông M1 sửa bản án sơ thẩm. Xét lời đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông M1 đại diện Ban Hội hương Miếu B là chưa có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông M1 đại diện Ban Hội hương Miếu B, xã Mỹ Đ mà giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 236 Bộ luật dân sự; Điều 100 Luật Đất đai; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trần Văn M1 đại diện Ban Hội hương Miếu B, xã Mỹ Đ.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn M1 đại diện Ban Hội hương Miếu B, xã Mỹ Đ yêu cầu hộ Phan Văn V, Trương Thị Tuyết M2, Phan Tấn K1, Phan Tấn Đ, Phan Tấn K1 phải trả cho Ban Hội hương Miếu B, xã Mỹ Đ diện tích 1.674,5m² thuộc thửa 762, 763 tờ bản đồ số 02, toạ lạc ấp 1, xã Mỹ Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp và huỷ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BU 350206, số vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH 01665 và giấy số bìa BU 358204, số vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH 01666 được UBND huyện T cấp ngày 15/8/2014 do Phan Văn V đứng tên.

- Ông Phan Văn V được tiếp tục sử dụng diện tích 1.674,5m² thuộc thửa 762, 763 tờ bản đồ số 02, toạ lạc ấp 1, xã Mỹ Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về chi phí thẩm định: Ban Hội hương Miếu B, xã Mỹ Đ phải chịu 2.457.000đ đã nộp và chi xong.

4. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Ban Hội hương Miếu B, xã Mỹ Đ phải nộp 5.298.750đ được khấu vào số tiền 2.775.000đ tạm ứng án phí theo biên thu số BM/2012: 031924, quyển số: 000639 ngày 09/02/2015 và biên lai thu số BN/2013: 09980, quyển số: 200 ngày 13/3/2017; Ban Hội hương Miếu B, xã Mỹ Đ phải nộp thêm 2.523.750đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

- Án phí phúc thẩm: Ông Trần Văn M1 đại diện Ban Hội hương Miếu B, xã Mỹ Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 14800 ngày 28/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (ông M1 đã nộp xong án phí phúc thẩm).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện T;
- TAND huyện T;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Phước Hội

